

Số: /QĐ-UBND

Quảng Xương, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nghĩa trang
vùng trung tâm huyện Quảng Xương tại xã Quảng Trạch,
huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 35/2018/QH14; Luật số 62/2020/QH14);

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; số 72/2019/NĐ-CP Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đề án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 01/2021/BXD, ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định 5445/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá đến năm 2045; số 2438/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 về đính chính, hiệu chỉnh đề án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 4989/QĐ-UBND ngày 01/11/2022 của UBND huyện Quảng Xương về việc phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 3025/SXD-QH ngày 17/5/2023 về việc ý kiến về hồ sơ đề án Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nghĩa trang vùng trung tâm huyện Quảng Xương, xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 2258-KL/HU ngày 26/5/2023 của Ban Thường vụ Huyện ủy về đề án Quy hoạch xây dựng chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu nghĩa trang vùng trung tâm huyện Quảng Xương tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Thông báo Kết luận số 73/TB-UBND ngày 04/4/2024 của Chủ tịch UBND huyện Quảng Xương tại phiên họp chuyên đề UBND huyện ngày 03/4/2024;

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện tại Tờ trình số 635/TTr-BQLDA ngày 27/12/2023 và Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng (kèm theo báo cáo thẩm định số 20/KTHT-TĐ ngày 12/01/2024).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/5 Khu nghĩa trang vùng trung tâm huyện Quảng Xương tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, với những nội dung chính như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu nghĩa trang vùng trung tâm huyện Quảng Xương tại xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Địa điểm lập quy hoạch: xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương.

3. Đơn vị chủ trì lập: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện.

4. Phạm vi, ranh giới và diện tích khu đất lập quy hoạch.

Khu đất lập quy hoạch thuộc địa giới hành chính xã Quảng Trạch, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Giới hạn xác định cụ thể như sau:

- Phía Tây Bắc: giáp nương tiêu Tân Trạch 1.
- Phía Đông Bắc: giáp đất ruộng.
- Phía Đông Nam: giáp đất ruộng.
- Phía Tây Nam: giáp đất ruộng.

5. Quy mô lập quy hoạch.

Quy mô nghiên cứu lập quy hoạch chi tiết có diện tích khoảng 16,35 ha.

6. Mục tiêu lập quy hoạch.

- Cụ thể hóa Quy hoạch vùng huyện Quảng Xương, Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Trạch.

- Hình thành khu nghĩa trang quy mô, đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan phục vụ nhu cầu an táng của người dân và quy tập các khu nghĩa địa trong phạm vi phải GPMB cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

- Làm cơ sở quản lý xây dựng theo quy hoạch và là cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng.

- Hình thành khu nghĩa trang đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật với các chỉ tiêu phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành và các quy hoạch đã được phê duyệt.

- Khớp nối các quy hoạch chi tiết và các dự án đã và đang triển khai trong khu vực để đảm bảo hài hòa, đồng bộ về tổ chức không gian và hạ tầng kỹ thuật.

- Có giải pháp về bảo vệ môi trường, cảnh quan khu vực.

7. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu.

a) Dự kiến chỉ tiêu sử dụng đất: Căn cứ vào các điều kiện cụ thể và các hạng mục đầu tư. Lựa chọn các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật tính toán đảm bảo theo quy chuẩn QCVN 07-2016/BXD, với các chỉ tiêu chính như sau:

- Diện tích khu đất mai táng: Tối đa 60%.

- Các công trình chức năng và hạ tầng kỹ thuật: Tối thiểu 40% (trong đó diện tích cây xanh tối thiểu 25%; giao thông chính tối thiểu 10%).

- Diện tích đất sử dụng cho mỗi mộ (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ):

+ Mộ cát táng: Tối đa 3,0 m²/mộ;

+ Mộ chôn cất lọ tro cốt sau hỏa táng: Tối đa 3,0 m²/mộ.

Quy định về phân lô, nhóm, hàng, khoảng cách giữa các mộ và các thiết kế khác trong nghĩa trang.

Chiều rộng lối đi trong nghĩa trang:

- Trong mỗi ô chôn cất, các mộ phần được phân chia thành các nhóm mộ phần giới hạn bởi các tuyến đường nội bộ có chiều rộng 1,2 m. các mộ được sắp xếp thành hàng mộ và dãy mộ có khoảng cách giữa hai hàng mộ liên tiếp là $\geq 0,8m$, khoảng cách giữa hai dãy mộ liên tiếp là $\geq 0,6m$.

- Trục giao thông chính (đường phân khu): Tối thiểu là 7,5 m;

- Đường giữa các lô mộ (đường phân lô): Tối thiểu là 3,5 m;

- Lối đi bên trong các lô mộ (đường phân nhóm): Tối thiểu là 1,2 m;

- Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp: Tối thiểu là 0,8 m;

- Khoảng cách giữa 2 mộ liên tiếp cùng hàng: Tối thiểu là 0,6 m.

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

- Thu gom và xử lý chất thải rắn:

+ Trong nghĩa trang phải đặt các thùng rác công cộng, điễm tập kết chất thải rắn phát sinh. Chất thải rắn phải được thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý đảm bảo môi trường.

+ Các chất thải có liên quan đến người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm được xử lý theo quy định của Bộ Y tế về xử lý chất thải y tế lây nhiễm.

- Thu gom và xử lý nước thải: Nghĩa trang phải có hệ thống thoát nước riêng cho nước mặt, nước thải, nước thấm từ huyết mộ. Hệ thống thoát nước phải tính đến điều kiện biến đổi khí hậu (thường xuyên bị ngập lụt, triều cường,

mức biển dâng).

Các chỉ tiêu hệ thống hạ tầng kỹ thuật			
TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Chỉ tiêu
I	Cấp điện:		
	Công trình công cộng, dịch vụ	W/m ² sàn	15 - 20
	Chiếu sáng:		
	+ Đường, quảng trường	kW/ha	1,5 - 3,0
	+ Cây xanh, công viên	kW/ha	1 - 1,2
II	Cấp nước:		
	+ Nhân viên phục vụ	lít/ng.ng	100
	+ Khách thăm viếng	lít/ng.ng	5
	+ Tưới cây rửa đường	% Q	10
III	Thoát nước		
	+ Nhân viên phục vụ	lít/ng.ng	100
	+ Khách thăm viếng	lít/ng.ng	5
	+ Tưới cây rửa đường	% Q	10
IV	Thu gom chất thải rắn (khách)	kg/người.ngày	0,6 - 1,0
V	Chuẩn bị kỹ thuật:		
	+ Mật độ công	km/ha	4
VI	Môi trường:		
	+ Độ ẩm của đất	%	50 - 70
	+ Độ sâu huyệt mộ	m	1,5 - 2

8. Quy hoạch sử dụng đất

Trên cơ sở tổ chức không gian và phân khu chức năng, các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất được tính toán cụ thể tại bảng sau:

TT	Loại đất	Ký hiệu	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)	MĐXD (%)	Tầng cao
	Tổng diện tích khu đất lập QH		163.429,9			
I	Khu cát tắng	CT	69.328,12	42,42		
II	Khu công trình phụ trợ		3.150,36	1,93		
1	Nhà quản trang - Khu dịch vụ,...	PT-02	1.184,69		40-80	1-3
2	Nhà trình - Nhà lưu cốt	PT-01	1.965,67		40-80	1-7
III	Cây xanh		41.094,6	25,154		
1	Cây xanh bóng mát, cây xanh cảnh quan	CX	24.194,43	14,8		
2	Cây xanh cách ly	CXCL	16.900,17	10,34		
IV	Đất giao thông hạ tầng kỹ thuật		49.854,84	30,51		
1	Khu tập kết rác	BR-01	138,27			
2	Bãi xe	BX-02	1.107,35			
		BX-02	1.254,51			
3	Đất giao thông		47.231,13			

4	Trạm bơm		123,58			
---	----------	--	--------	--	--	--

9. Định hướng tổ chức không gian nghĩa trang.

9.1. Định hướng tổ chức không gian:

- Khu vực táng (cát táng, cải táng và các hình thức táng khác thân thiện môi trường).
- Khu dịch vụ (nhà chờ, vệ sinh, giải khát...).
- Khu vực quản lý (nhà quản trang, nhà dịch vụ xây mộ...).
- Khu tâm linh (nhà trình bày thờ thổ địa, khu lưu giữ tro cốt các vườn tâm linh, khu hành lễ...)
- Khu cây xanh, mặt nước (vườn hoa, cây xanh, cây xanh cách ly...).
- Đất hạ tầng kỹ thuật (đường dây, trạm xử lý nước thải, trạm biến áp...).

9.2. Quy định cụ thể đối với từng lô đất:

Tổng diện tích nghiên cứu quy hoạch khoảng 16,35 ha, trong đó:

- Khu vực nghĩa trang hiện trạng: Được khoanh vùng phát triển và rà soát các quỹ đất để có kế hoạch khai thác quỹ đất một cách khoa học, hiệu quả; Trồng cây xanh bao quanh để tạo điều kiện cách ly an toàn vệ sinh môi trường với các khu vực xung quanh.

a) Đất mai táng:

Tổng diện tích đất mai táng: 6,93 ha ký hiệu từ (CT-01) đến (CT-51) chiếm tỷ lệ 42,42% đất nghĩa trang, bố trí cho khoảng 16.800 mộ; là khu vực phục vụ mai táng hài cốt sau khi cải táng hoặc lưu tro, cốt sau khi hỏa táng:

b) Đất cây xanh mặt nước:

Tổng diện tích đất cây xanh: 4,11ha; chiếm 25.15% đất nghĩa trang, bao gồm:

- Đất cây xanh cách ly: 1,69 ha tại các khu đất có ký hiệu: (CL), bố trí bao quanh khu vực nghĩa trang và giữa khu vực nghĩa trang hiện trạng và nghĩa trang mở rộng; chiều rộng của dải cây xanh cách ly quanh nghĩa trang tối thiểu là 10m.

- Đất cây xanh cảnh quan: 2,42 ha tại các khu đất có ký hiệu: (CX), bố trí phân tán xen kẽ trong các khu mộ đảm bảo môi trường, cảnh quan cho nghĩa trang đồng thời là nơi trú mát cho du khách thăm viếng.

c) Đất công trình phụ trợ:

Bố trí về phía Đông - Nam khu đất gần cổng chính bao gồm các khu chức năng sau:

- Khu lưu trữ tro cốt, nhà trình;
- Khu quảng trang, nhà vệ sinh công cộng;
- Khu quảng trường tâm linh;

Trong đó khu quản trang và khu lưu trữ tro cốt có diện tích: 0,31ha chiếm tỷ lệ 1.93% đất nghĩa trang, bao gồm:

+ *Khu lưu trữ tro cốt, nhà trình*: Quy mô 0,19 ha ký hiệu (PT-01) Mật độ xây dựng 40 - 80%; tầng cao từ 1-7 tầng.

+ *Quảng trường tâm linh*: Kết hợp với đường giao thông quy mô khoảng 0.12 ha.

+ *Khu quản trang*: Quy mô: 0,12 ha ký hiệu (PT-02) giáp quảng trường tâm linh, bao gồm: nhà quản trang, nhà dịch vụ, nhà vệ sinh công cộng Mật độ xây dựng 40-80%; tầng cao từ 1-3 tầng;

+ *Bãi đỗ xe tập trung*: Chia làm 2 khu, khu vực phía Đông Bắc và khu vực phía Đông Nam, tổng diện tích: 0,23 ha; Mật độ xây dựng 5%; tầng cao 1 tầng.

+ *Đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật*: Tổng diện tích đất giao thông, hạ tầng kỹ thuật: 4,99 ha chiếm tỷ lệ 28.9% đất nghĩa trang

10. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật.

10.1. Quy hoạch san nền.

- Khu vực phía Nam kênh Tân Trạch 2:

+ Hướng dốc chính là hướng Bắc - Nam.

+ Cao độ san nền thấp nhất là 1.95m.

+ Cao độ san nền cao nhất là 2.60m.

- Khu vực phía Bắc mương tiêu (phía Nam khu đất quy hoạch):

+ Hướng dốc chính là hướng Bắc - Nam.

+ Cao độ san nền thấp nhất là 2.15m.

+ Cao độ san nền cao nhất là 2.60m.

- Khu vực phía Nam mương tiêu (phía Nam khu đất quyhoạch):

+ Hướng dốc chính là hướng Nam - Bắc.

+ Cao độ san nền thấp nhất là 2.15m.

+ Cao độ san nền cao nhất là 2.45m.

- Độ dốc san nền:

+ Các lô đất có độ dốc thoát nước tự chảy tối thiểu, tạo dốc từ trung tâm các lô đất về phía các trục đường giao thông xung quanh.

+ Độ dốc san nền phải đảm bảo thoát nước tự chảy, khu vực nghiên cứu có độ dốc nền 0.3%.

10.2. Quy hoạch thoát nước mưa.

a) Giải pháp thoát nước:

- Phân chia lưu vực thoát nước gồm 2 lưu vực thoát nước chính bao gồm:

+ Lưu vực 1: phía Tây Bắc mương đất hiện trạng thoát ra mương Tân Trạch 1 và mương đất hiện có thoát ngang qua khu đất lập quy hoạch.

+ Lưu vực 2: phía Đông Nam nương đất hiện trạng thoát ra nương hiện có chảy qua khu đất quy hoạch.

- Hệ thống thoát nước sử dụng là rãnh xây gạch, nắp đan bê tông cốt thép bố trí dọc các tuyến đường. Nước mặt sau khi được thu gom thoát ra nương đất hiện có.

- Dọc tuyến thoát nước bố trí hố ga thu nước mặt đường, khoảng cách các hố ga theo tiêu chuẩn (25-40)m.

- Độ dốc rãnh thiết kế tận dụng độ dốc địa hình giảm độ sâu rãnh, thiết kế độ dốc từ (0,1-2,0)%.

10.3. Giao thông.

a) Giao thông đối ngoại:

Tuyến đường phía Bắc ven kênh Tân Trạch 2 đầu nối ra đường Thanh Niên, theo quy hoạch chung xã có lộ giới 17.5m; mặt đường 7.5m; vỉa hè 2 bên: $5.0 \times 2 = 10.0\text{m}$.

b) Giao thông nội bộ:

Mạng lưới giao thông trong nghĩa trang được thiết kế theo dạng ô bàn cờ. Quy mô mặt cắt đường được tính toán phù hợp về số lượng và bề rộng các làn xe, đảm bảo lưu lượng, vận tốc của các phương tiện tham gia. Hành lang các công trình hạ tầng kỹ thuật đảm bảo khả năng bố trí hệ thống đường dây, đường ống...

Các mặt cắt ngang của các tuyến đường nội bộ bao gồm: Mặt cắt ngang 1-1: Lòng đường 7,5m; CGĐĐ = 7,5m; Mặt cắt ngang 2-2: Lòng đường 7,5m; Cây xanh cách ly 10,0m; CGĐĐ = 17,5m; Mặt cắt ngang 3-3: Lòng đường: 2x5,5m; hè 2x3,0m; lòng kênh 11,2m; CGĐĐ = 28,2;

10.4. Quy hoạch cấp nước:

Nhu cầu sử dụng nước của khu vực: Tổng nhu cầu sử dụng nước cho nghĩa trang làm là $Q = 70 \text{ m}^3/\text{n.đêm}$.

Nguồn nước:

- Nguồn nước được lấy từ đường ống cấp nước theo quy hoạch xã Quảng Trạch (đường ống D150 theo quy hoạch dọc đường Thanh Niên, khoảng cách đầu nối khoảng $L=200\text{m}$).

Giải pháp mạng lưới đường ống cấp nước:

Hệ thống cấp nước cho nghĩa trang được thiết kế mới hoàn toàn. Nhu cầu dùng nước cho nghĩa trang thiết kế nước cấp cho sinh hoạt và tưới cây trong khu vực. Ống cấp nước sử dụng ống HDPE.

10.5. Quy hoạch thoát nước thải:

- Quy hoạch hệ thống thoát nước khu vực thoát riêng với hệ thống thoát nước mưa. Công thoát nước thải trong khu vực dùng công bê tông cốt thép

đúc sẵn tải trọng H13 loại đi trên vỉa hè, đoạn qua đường sử dụng cống tải trọng H30.

- Dọc tuyến cống thoát nước thải bố trí hố ga thoát nước thải để xử lý sự cố và vét bùn, khoảng cách hố ga đảm bảo tiêu chuẩn thoát nước thải.

- Tại vị trí cống thoát nước qua đường cần thiết kê giảm tải lên ống bằng cách đổ bê tông đá quanh ống đoạn qua đường.

- Hệ thống thoát nước bản thiết kế theo nguyên tắc tự chảy để tận dụng điều kiện địa hình.

- Tại vị trí cống thoát nước chôn sâu $H \geq 5m$ và đoạn qua sông, kênh mương bố trí trạm bơm chuyển bậc.

- Nước thải được thu gom vào hệ thống cống nhánh, cống chính thoát sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải theo quy hoạch xã Quảng Trạch.

10.6. Chất thải rắn, vệ sinh môi trường:

- Rác thải sinh hoạt trong quá trình mai táng như vàng mã, vòng hoa, que hương, đồ dùng của người chết, đề nghị được đem xử lý, đốt tại các vị trí các khu đã được quy định trong khu nghĩa trang.

- Các chất thải có liên quan trực tiếp đến người chết do mắc các bệnh truyền nhiễm phải được xử lý theo quy định về xử lý chất thải y tế.

10.7. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng:

a) Chỉ tiêu cấp điện:

- Công trình không điều hòa: $20W/m^2$ sàn.

- Chiếu sáng đường rộng 10KW:ha

b) Định hướng cấp điện:

Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho các công trình và điện chiếu sáng nghĩa trang được lấy nguồn từ lưới điện hạ thế hiện có cách ranh giới quy hoạch khoảng 250m về phía Đông Bắc, kéo đến nhà quảng trang, từ nhà quảng trang cáp đi độc lập cấp điện đến các công trình.

Điện hạ thế: Xây dựng mới tuyến cáp hạ thế đi nối từ vị trí cấp nguồn đến ranh giới quy hoạch, tuyến cáp này đi kết hợp với cột điện hạ thế hiện trạng cấp điện cho trạm bơm. Điện hạ thế xây mới từ ranh giới quy hoạch đến các công trình được thiết kế đi ngầm, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC. Chiều dài đường dây 0.4KV:389m

Điện chiếu sáng: Các tuyến đường nội khu được chiếu sáng bằng đèn Led công suất 100W-220V lắp trên cột thép bát giác 8m. Độ chói trung bình đạt 0,8 - 1 Cd/m².

Tất cả các đường nội bộ trong khu vực có chiều rộng $\leq 7m$ được chiếu sáng bằng 1 dãy đèn bố trí một bên với khoảng cách 30m. Đối với những không gian rộng, được chiếu sáng bằng đèn pha Led 150w lắp trên cột thép 14m. Dây

dẫn cấp nguồn cho hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế ngầm, dây dẫn dùng cáp Cu/XLPE/DSTA/PVC có chiều dài 2.831m.

11. Kế hoạch và nguồn vốn thực hiện.

11.1. Các giai đoạn thực hiện:

Xây dựng nghĩa trang nhân dân Quảng Trạch huyện Quảng Xương chia làm 3 giai đoạn cụ thể như sau:

Giai đoạn 1: Để đáp ứng nhu cầu mai táng của người dân địa phương và bố trí quỹ đất mai táng cho việc di dời các khu mộ tại các dự án quan trọng của địa phương để giải phóng mặt bằng cho các dự án. Giai đoạn này được đầu tư những nội dung sau:

- Khoanh vùng khu vực nghĩa trang hiện trạng, trồng cây xanh bao quanh và thực hiện các biện pháp khác nhằm bảo vệ môi trường và cảnh quan của khu vực;

- Đầu tư xây dựng tuyến đường phía Bắc khu vực xây dựng nghĩa trang.

- Đầu tư xây dựng khu vực nghĩa trang có ranh giới được xác định trên sơ đồ phân giai đoạn đầu tư với diện tích: 5,71ha bao gồm:

- + Khu cát táng tại lô đất có ký hiệu: (CT:01 đến CT:16) và (CT:49-CT:51).

- + Cây xanh cách ly; cổng, tường rào và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo. Tổng số mộ đạt được trong giai đoạn 1 là: 6.564 mộ

Giai đoạn 2:

- Đầu tư xây dựng khu vực phía Nam giai đoạn 1, có ranh giới được xác định trên sơ đồ phân giai đoạn đầu tư với diện tích: 7,23ha bao gồm:

- + Khu cát táng tại lô đất có ký hiệu: (CT:17 đến CT:40);

- + Khu bãi đỗ xe tại lô đất có ký hiệu: BX:01;

- + Cây xanh công viên tại lô đất có ký hiệu: CX;

- + Cây xanh cách ly; cổng, tường rào và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo. Tổng số mộ đạt được trong giai đoạn 2 là: 8.278 mộ

Giai đoạn 3:

- Đầu tư xây dựng hoàn chỉnh nghĩa trang, phần còn lại khu vực phía Nam, có ranh giới được xác định trên sơ đồ phân giai đoạn đầu tư với diện tích: 3.41ha, bao gồm:

- + Khu cát táng mộ đơn tại lô đất có ký hiệu: (CT:11 đến CT:50); Tổng số mộ đạt được trong giai đoạn 3 là: 1.468 mộ.

- + Khu điều hành, dịch vụ, bãi đỗ xe cho giai đoạn 1 tại lô đất có ký hiệu: PT:01,PT:02,QT.

- + Cây xanh công viên tại lô đất có ký hiệu: (CXCQ);

- + Khu vực mặt nước phục vụ thoát lũ cho mùa mưa bão.

+ Cây xanh cách ly; công, tường rào và hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo. Tổng số mộ sau khi thực hiện trong giai đoạn 3 là: 16.305 mộ.

11.2. Nguồn lực thực hiện:

Nguồn kinh phí thực hiện quy hoạch: nguồn vốn ngân sách địa phương và các nguồn huy động hợp pháp khác.

(Chi tiết có hồ sơ kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Ban QLDA ĐTXD huyện (chủ đầu tư lập quy hoạch):

- Hoàn chỉnh đồ án được duyệt theo quy định; gửi hồ sơ, tài liệu đồ án quy hoạch về Sở Xây dựng, UBND huyện (Phòng Kinh tế và Hạ tầng) và UBND xã Quảng Trạch để lưu giữ, quản lý và tổ chức thực hiện theo quy hoạch được duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với UBND xã Quảng Trạch tổ chức công bố công khai quy hoạch theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với UBND xã Quảng Trạch tổ chức cắm mốc ngoài thực địa (cắm mốc, định vị ranh giới quy hoạch, các khu vực bảo vệ, quản lý, khai thác của dự án...) theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các thủ tục đầu nối về hạ tầng kỹ thuật khu vực với cơ quan chủ quản liên quan, các hồ sơ về thiết kế xây dựng, đất đai, môi trường, phòng chống cháy nổ,... của dự án theo quy định.

- Ban QLDA ĐTXD huyện chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ tổ chức lấy ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư.

2. Các Phòng chuyên môn: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Ủy ban nhân dân xã Quảng Trạch và các đơn vị có liên quan theo chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, quản lý thực hiện theo quy hoạch; chủ động tham mưu các nội dung về đầu tư, đất đai, tài chính và các nội dung khác có liên quan để việc thực hiện dự án theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND - UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND xã Quảng Trạch và Thủ trưởng các đơn vị, ngành có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND huyện (để b/cáo);
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng chuyên môn có liên quan;
- Lưu: VT, KTHT_(LVNhat-2024.QH).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Dự

